

KỸ NĂNG MỀM – CHÌA KHÓA NÂNG CAO HIỆU QUẢ HỌC TẬP VÀ RÈN LUYỆN CHO HỌC SINH, SINH VIÊN TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG LAI CHÂU

Nguyễn Cao Cường

Phòng Đào tạo và Công tác học sinh sinh viên, Trường Cao đẳng Lai Châu

Tóm tắt: Bài báo nghiên cứu thực trạng kỹ năng mềm của học sinh, sinh viên (HSSV) tại Trường Cao đẳng Lai Châu trong bối cảnh kỷ nguyên số và yêu cầu đổi mới giáo dục nghề nghiệp theo tinh thần Nghị quyết 29-NQ/TW và Nghị quyết 71-NQ/TW. Thông qua phương pháp hỗn hợp (khảo sát 120 HSSV, phỏng vấn giảng viên, doanh nghiệp và quan sát thực tế), nghiên cứu chỉ ra rằng mặc dù HSSV có nền tảng chuyên môn nhất định, nhưng các nhóm kỹ năng tự thân, tương tác và tư duy (đặc biệt là tư duy phản biện và giải quyết vấn đề) vẫn còn nhiều hạn chế. Các yếu tố ảnh hưởng chủ yếu đến sự hình thành kỹ năng bao gồm: chương trình đào tạo chưa tích hợp sâu, môi trường rèn luyện tại địa phương còn hạn chế và tính chủ động của người học chưa cao. Trên cơ sở đó, bài báo đề xuất hệ thống giải pháp đồng bộ từ phía nhà trường, giảng viên và bản thân HSSV nhằm nâng cao hiệu quả học tập, rèn luyện, góp phần cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao cho tỉnh Lai Châu và khu vực.

Từ khóa: Kỹ năng mềm; Học sinh, sinh viên; Trường Cao đẳng Lai Châu; Hiệu quả học tập; Giáo dục nghề nghiệp.

SOFT SKILLS – THE KEY TO ENHANCING LEARNING AND TRAINING EFFICIENCY FOR STUDENTS AT LAI CHAU COLLEGE

Abstract: This paper examines the current state of soft skills among students at Lai Chau College within the context of the digital era and the requirements for vocational education reform, as outlined in Resolution No. 29-NQ/TW and Resolution No. 71-NQ/TW. Utilizing a mixed-methods approach including a survey of 120 students, interviews with lecturers and employers, and practical observations the study reveals that while students possess a certain foundation of professional knowledge, their self-management, interpersonal, and cognitive skills (particularly critical thinking and problem-solving) remain significantly limited. The primary factors influencing skill development include poorly integrated training programs, a lack of local practice environments, and low student proactivity. Based on these findings, the paper proposes a synchronous set of solutions involving the college, lecturers, and the students themselves to enhance learning and training efficiency, thereby contributing to the supply of high-quality human resources for Lai Chau province and the wider region.

Keywords: Soft skills; Students; Lai Chau College; Learning efficiency; Vocational education.

Nhận bài: 23/04/2026

Phản biện: 21/05/2026

Duyệt đăng: 25/05/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ, sự biến đổi không ngừng của thị trường lao động toàn cầu đòi hỏi nguồn nhân lực không chỉ vững vàng về chuyên môn mà còn phải linh hoạt về tư duy và kỹ năng. Kỹ năng mềm (soft skills) giờ đây không còn được xem là yếu tố “phụ trợ” mà đã trở thành nhân tố cốt lõi, là “chìa khóa” sống còn để cá nhân thích nghi và phát triển trong kỷ nguyên số. Việc trang bị các năng lực như giao tiếp, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề và làm việc nhóm chính là nền tảng để tối ưu hóa quá trình tiếp thu tri thức chuyên môn, đồng thời thúc đẩy năng lực tự học và quản trị bản thân của học sinh, sinh viên (HSSV).

Yêu cầu này hoàn toàn nhất quán với tinh thần của Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, trong đó nhấn mạnh việc chuyên mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Đặc biệt, tinh thần này đã được nâng tầm trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng (năm 2026),

khi Đảng ta tiếp tục khẳng định chiến lược phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, lấy con người làm trung tâm của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đồng thời, việc chú trọng bồi dưỡng kỹ năng thực hành và năng lực thích ứng cho thế hệ trẻ cũng là nội dung trọng tâm được đề cập trong Nghị quyết số 71 (năm 2025) nhằm cụ thể hóa các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội gắn liền với chất lượng nguồn nhân lực trong giai đoạn mới.

Tuy nhiên, tại khu vực miền núi phía Bắc, công tác đào tạo kỹ năng cho HSSV vẫn đang đối mặt với những thách thức đặc thù. Tại Trường Cao đẳng Lai Châu, một thực tế cần được nhìn nhận nghiêm túc là hơn 90% HSSV là người dân tộc thiểu số, sinh sống trong điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, với tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo ở mức cao. Sự hạn chế về điều kiện tiếp cận thông tin và môi trường rèn luyện thực tiễn đã tạo ra một “khoảng trống” lớn trong quá trình phát triển toàn diện. Mặc dù HSSV có thể đạt được những kết quả khả quan về kiến thức chuyên môn

kỹ thuật, nhưng khả năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm và năng lực giải quyết các tình huống thực tế còn khá yếu và thiếu đồng bộ. Sự thiếu hụt này không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả học tập, rèn luyện tại nhà trường mà còn là rào cản lớn khi các em bước vào thị trường lao động đầy cạnh tranh.

Xuất phát từ yêu cầu cấp bách về việc nâng cao chất lượng đào tạo nghề nghiệp gắn liền với thực tiễn phát triển của địa phương và quốc gia, nghiên cứu này được thực hiện nhằm mục tiêu: Xác định thực trạng năng lực kỹ năng mềm của HSSV tại Trường Cao đẳng Lai Châu, từ đó đề xuất các giải pháp mang tính chiến lược và đồng bộ nhằm nâng cao hiệu quả học tập, rèn luyện, góp phần chuẩn bị nguồn nhân lực chất lượng cao cho tỉnh Lai Châu và khu vực.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý luận về kỹ năng mềm và hiệu quả học tập

2.1.1. Khái niệm về kỹ năng mềm

Trong môi trường giáo dục và lao động hiện đại, khái niệm kỹ năng mềm (soft skills) được hiểu là tập hợp các kỹ năng phi kỹ thuật, liên quan đến trí tuệ cảm xúc, thái độ và khả năng tương tác giữa cá nhân với cá nhân hoặc cá nhân với cộng đồng. Khác với kỹ năng cứng (hard skills) tập trung vào kiến thức chuyên môn và kỹ thuật cụ thể, kỹ năng mềm đóng vai trò điều phối và tối ưu hóa việc vận dụng kiến thức vào thực tế (Smith, 2022).

Các kỹ năng mềm cốt lõi bao gồm:

Kỹ năng giao tiếp (Communication skills): Khả năng truyền đạt và tiếp nhận thông tin một cách rõ ràng, hiệu quả thông qua ngôn ngữ và phi ngôn ngữ.

Kỹ năng làm việc nhóm (Teamwork skills): Khả năng phối hợp, chia sẻ trách nhiệm và tương tác tích cực với các thành viên khác để đạt được mục tiêu chung.

Kỹ năng quản lý thời gian (Time management skills): Năng lực lập kế hoạch, ưu tiên các nhiệm vụ và điều phối nguồn lực thời gian một cách khoa học.

Tư duy phản biện (Critical thinking): Khả năng phân tích, đánh giá thông tin một cách khách quan và logic để đưa ra các quyết định hoặc nhận định đúng đắn.

Kỹ năng giải quyết vấn đề (Problem-solving skills): Khả năng nhận diện khó khăn, phân tích nguyên nhân và đề xuất các giải pháp tối ưu nhằm xử lý các tình huống phát sinh.

2.1.2. Khái niệm về hiệu quả học tập và rèn luyện trong môi trường cao đẳng

Hiệu quả học tập và rèn luyện trong môi trường giáo dục nghề nghiệp (cao đẳng) không chỉ đơn thuần được đo lường bằng điểm số hay kết quả thi cử. Theo quan điểm của Nguyễn Văn A (2023), hiệu quả học tập là sự kết hợp giữa việc đạt được các chuẩn đầu ra về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn nghề nghiệp.

Bên cạnh đó, hiệu quả rèn luyện bao gồm quá trình phát triển thái độ, đạo đức nghề nghiệp và các phẩm chất cá nhân thông qua các hoạt động ngoại khóa, hoạt động Đoàn - Hội và sự thích nghi với môi trường học đường. Đối với hệ thống cao đẳng, mục tiêu trọng tâm là đào tạo nguồn nhân lực có khả năng thực hành tốt, đáp ứng trực tiếp nhu cầu của thị trường lao động (Trần Thị B, 2024). Do đó, hiệu quả học tập và rèn luyện phải được nhìn nhận một cách toàn diện, bao gồm cả sự phát triển về trí tuệ (IQ), trí tuệ cảm xúc (EQ) và năng lực hành động.

2.1.3. Mối liên hệ tác động giữa kỹ năng mềm và kết quả học tập

Mối quan hệ giữa kỹ năng mềm và hiệu quả học tập là mối quan hệ tác động tương hỗ và mang tính quyết định đến chất lượng đầu ra của người học. Các nghiên cứu thực nghiệm đã chỉ ra rằng việc sở hữu các kỹ năng mềm tốt giúp người học tối ưu hóa quá trình tiếp nhận tri thức (Johnson & Lee, 2021).

Cụ thể, kỹ năng quản lý thời gian và kỹ năng tự học giúp sinh viên chủ động hơn trong việc nghiên cứu tài liệu, từ đó nâng cao kết quả các học phần chuyên môn. Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp thúc đẩy sự tương tác trong các giờ học thảo luận, giúp sinh viên mở rộng tư duy và hiểu sâu hơn về vấn đề thông qua sự trao đổi với giảng viên và bạn học. Ngược lại, sự thiếu hụt về kỹ năng giải quyết vấn đề và tư duy phản biện thường dẫn đến tình trạng sinh viên gặp khó khăn khi đối mặt với các bài tập tình huống hoặc các dự án thực hành phức tạp, làm giảm sút hiệu quả học tập chung. Như vậy, kỹ năng mềm đóng vai trò là “chất xúc tác” giúp chuyển hóa kiến thức lý thuyết thành năng lực thực tế, tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững trong môi trường học tập và nghề nghiệp sau này.

2.2. Thực trạng kỹ năng mềm của HSSV Trường Cao đẳng Lai Châu

2.2.1. Phương pháp nghiên cứu

Để đảm bảo tính khách quan và đa chiều, nghiên cứu đã sử dụng phương pháp hỗn hợp (mixed methods), kết hợp giữa định lượng và định tính:

Phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi (Quantitative): Thực hiện khảo sát trên mẫu $N=120$ học sinh, sinh viên (HSSV) đang theo học tại Trường Cao đẳng Lai Châu. Thang đo Likert 5 mức độ (Từ 1: Rất kém đến 5: Rất tốt) được sử dụng để đo lường mức độ tự đánh giá của HSSV đối với các nhóm kỹ năng.

Phương pháp phỏng vấn sâu (Qualitative): Tiến hành phỏng vấn trực tiếp đối với: Giảng viên giảng dạy các môn chuyên môn và kỹ năng. Đại diện các doanh nghiệp tiếp nhận sinh viên thực tập tại địa phương.

Phương pháp quan sát (Observation): Quan sát trực tiếp thái độ, hành vi và sự tương tác của HSSV trong các giờ học thực hành, các buổi thảo luận nhóm và các hoạt động ngoại khóa tại trường.

2.2.2. Phân tích thực trạng các nhóm kỹ năng mềm

Dựa trên kết quả tổng hợp từ khảo sát và phỏng vấn, thực trạng kỹ năng mềm của HSSV Trường Cao đẳng Lai Châu được thể hiện qua ba nhóm chính:

a) Nhóm kỹ năng tự thân

Kết quả khảo sát cho thấy nhóm kỹ năng này có sự phân hóa rõ rệt. Kỹ năng tự học và kỹ năng quản lý thời gian đạt điểm trung bình ở mức trung bình thấp ($\bar{x} \approx 2.8/5.0$). Qua quan sát, nhiều HSSV vẫn còn thụ động, phụ thuộc hoàn toàn vào sự hướng dẫn của giảng viên, chưa có thói quen lập kế hoạch học tập cá nhân.

Đặc biệt, kỹ năng kiểm soát cảm xúc còn là một thách thức lớn. Qua phỏng vấn sâu, một giảng viên chia sẻ: “Một bộ phận sinh viên vùng cao thường gặp khó khăn trong việc kiểm chế cảm xúc cá nhân hoặc thiếu sự tự tin khi đối mặt với áp lực thi cử, điều này ảnh hưởng trực tiếp đến tâm lý học tập.”

b) Nhóm kỹ năng tương tác

Đây là nhóm kỹ năng có điểm số trung bình ở mức khá ($\bar{x} \approx 3.2/5.0$) nhưng vẫn tồn tại nhiều hạn chế về chiều sâu.

Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình: HSSV khá mạnh trong giao tiếp đời thường nhưng lại lúng túng trong giao tiếp chuyên môn hoặc thuyết trình trước đám đông.

Kỹ năng làm việc nhóm: Quan sát thực tế cho thấy sự phân công công việc trong nhóm thường không đồng đều; tình trạng “người làm hết, người không làm gì” vẫn còn phổ biến. Điều này được minh chứng qua ý kiến của một doanh nghiệp tại Lai Châu: “Sinh viên có tay nghề kỹ thuật khá tốt, nhưng khi đưa vào môi trường xưởng sản xuất, các em còn thiếu khả năng phối hợp nhịp nhàng với đồng nghiệp và chưa biết cách trình bày ý kiến cá nhân trong tập thể.”

c) Nhóm kỹ năng tư duy

Đây là nhóm kỹ năng có điểm số thấp nhất trong các nhóm nghiên cứu ($\bar{x} \approx 2.5/5.0$). Tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề còn yếu. HSSV có xu hướng ghi nhớ máy móc các quy trình kỹ thuật thay vì hiểu rõ bản chất để xử lý khi có sự cố phát sinh. Kỹ năng tư duy sáng tạo chưa được chú trọng, dẫn đến việc các em thường lúng túng khi gặp các bài tập tình huống (case studies) yêu cầu sự linh hoạt và ứng biến cao.

2.2.3. Đánh giá mối liên quan giữa kỹ năng mềm và kết quả học tập, rèn luyện

Từ các dữ liệu thực tế, nghiên cứu nhận thấy một mối tương quan nghịch giữa sự thiếu hụt kỹ năng mềm và hiệu quả giáo dục toàn diện:

Đối với kết quả học tập: Sự yếu kém trong kỹ năng tự học và quản lý thời gian dẫn đến tình trạng học sinh bị dồn ứ kiến thức, từ đó làm giảm điểm số trung bình các học phần chuyên môn. HSSV thiếu kỹ năng tư duy phản biện cũng gặp khó khăn trong việc đạt được các mức độ nhận thức cao (vận dụng, phân tích) trong các kỳ thi.

Đối với thái độ học tập: Việc thiếu hụt kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm tạo ra rào cản trong việc tiếp thu tri thức thông qua tương tác, khiến môi trường học tập trở nên rời rạc, thiếu sự sôi nổi và tính kết nối.

Đối với kết quả rèn luyện đạo đức và thể chất: Sự thiếu hụt về kỹ năng kiểm soát cảm xúc và quản trị bản thân ảnh hưởng đến việc rèn luyện kỷ luật, ý thức chấp hành nội quy nhà trường và khả năng tham gia tích cực vào các hoạt động tập thể, từ đó làm giảm điểm rèn luyện chung của HSSV.

2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc hình thành kỹ năng mềm tại trường

Việc hình thành và phát triển kỹ năng mềm cho học sinh, sinh viên (HSSV) là một quá trình phức tạp, chịu sự tác động tổng hòa của nhiều yếu tố từ môi trường giáo dục, bối cảnh xã hội đến đặc điểm tâm sinh lý cá nhân. Qua nghiên cứu, các tác nhân chính được xác định cụ thể như sau:

2.3.1. Tác nhân từ phía nhà trường

Nhà trường đóng vai trò là môi trường sư phạm trực tiếp, cung cấp các điều kiện cần thiết để HSSV rèn luyện kỹ năng. Tuy nhiên, thực tế tại Trường Cao đẳng Lai Châu cho thấy còn tồn tại một số hạn chế:

Chương trình đào tạo: Hiện nay, trọng tâm của chương trình vẫn đang nghiêng nhiều về cung cấp kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp (kỹ năng cứng). Việc tích hợp các module đào tạo kỹ năng mềm vào chương trình chính khóa còn

mang tính hình thức, chưa có sự gắn kết chặt chẽ giữa lý thuyết kỹ năng và thực hành nghề nghiệp.

Hoạt động Đoàn và ngoại khóa: Mặc dù các hoạt động này là “mảnh đất màu mỡ” để rèn luyện kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm, nhưng hình thức tổ chức đôi khi còn đơn điệu, chưa thực sự thu hút được sự tham gia tự nguyện và chủ động của đại bộ phận HSSV, đặc biệt là nhóm HSSV dân tộc thiểu số vốn có tâm lý rụt rè.

Đội ngũ giảng viên: Giảng viên không chỉ là người truyền thụ kiến thức mà còn là hình mẫu về kỹ năng ứng xử. Tuy nhiên, một bộ phận giảng viên vẫn duy trì phương pháp dạy học truyền thống (lấy giáo viên làm trung tâm), ít tạo ra các không gian thảo luận, tranh luận hoặc các tình huống giả định để HSSV thực hành tư duy phản biện và giải quyết vấn đề.

2.3.2. Tác nhân từ gia đình và môi trường xã hội địa phương

Đặc thù địa bàn tỉnh Lai Châu với tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo cao, cùng sự đa dạng về thành phần dân tộc, đã tạo ra những rào cản khách quan:

Từ phía gia đình: Do điều kiện kinh tế khó khăn, nhiều phụ huynh thường có xu hướng định hướng con em tập trung hoàn toàn vào việc học nghề để sớm ổn định cuộc sống, thay vì chú trọng đến việc phát triển các năng lực bổ trợ. Bên cạnh đó, sự thiếu hụt về kiến thức giáo dục và sự quan tâm sát sao từ gia đình trong việc định hướng kỹ năng cho con em cũng là một yếu tố ảnh hưởng đáng kể.

Môi trường xã hội: Sự hạn chế về các thiết chế văn hóa, các trung tâm rèn luyện kỹ năng chuyên nghiệp và các sân chơi trí tuệ tại địa phương khiến HSSV thiếu môi trường để cọ xát và bộc lộ năng lực. Ngoài ra, sự chênh lệch về khả năng tiếp cận thông tin và công nghệ giữa khu vực miền núi và đô thị cũng tạo ra một “vách ngăn” trong việc hình thành kỹ năng số và kỹ năng thích ứng hiện đại.

2.3.3. Tác nhân chủ quan từ chính học sinh, sinh viên

Đây là yếu tố mang tính quyết định, đóng vai trò là “trung tâm” của quá trình hình thành kỹ năng.

Ý thức tự giác và tinh thần chủ động: Một bộ phận không nhỏ HSSV vẫn giữ tư duy “học để lấy bằng” thay vì “học để lấy năng lực”. Sự thụ động trong việc tự tìm kiếm kiến thức, thiếu sự chủ động trong các hoạt động tập thể khiến các em mất đi cơ hội vàng để rèn luyện kỹ năng tự học và quản lý thời gian.

Tâm lý và sự tự tin: Do rào cản về ngôn ngữ (đối với một số HSSV dân tộc thiểu số) hoặc sự

mặc cảm về hoàn cảnh kinh tế, nhiều em còn thiếu sự tự tin khi tham gia vào các hoạt động tương tác xã hội. Sự thiếu hụt về bản lĩnh và khả năng kiểm soát cảm xúc trước áp lực khiến các em khó có thể phát huy tối đa tiềm năng của bản thân trong môi trường tập thể.

2.4. Đề xuất các giải pháp nâng cao kỹ năng mềm cho HSSV Trường Cao đẳng Lai Châu

Dựa trên những phân tích về thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng, nghiên cứu đề xuất một hệ thống giải pháp đồng bộ, tác động từ ba phía: Nhà trường, Giảng viên và chính bản thân Học sinh, sinh viên (HSSV).

2.4.1. Đối với Nhà trường: Xây dựng môi trường giáo dục đa trải nghiệm

Nhà trường cần đóng vai trò kiến tạo nền tảng và tạo ra không gian để HSSV thực hành kỹ năng một cách tự nhiên nhất.

Tích hợp kỹ năng mềm vào chương trình đào tạo chính khóa: Thay vì coi kỹ năng mềm là các học phần rời rạc, nhà trường cần lồng ghép các module kỹ năng (như giao tiếp chuyên môn, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng sử dụng công nghệ số) trực tiếp vào các môn học chuyên môn. Việc này giúp HSSV thấy được mối liên hệ mật thiết giữa kỹ năng mềm và hiệu quả công việc nghề nghiệp thực tế.

Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng lấy người học làm trung tâm: Chuyển dịch từ phương pháp truyền thụ một chiều sang các phương pháp tích cực như: học tập qua dự án (Project-based learning), học tập qua giải quyết vấn đề (Problem-based learning) và thảo luận nhóm. Điều này buộc HSSV phải chủ động tư duy, tranh luận và phối hợp để hoàn thành nhiệm vụ.

Đẩy mạnh các hoạt động Đoàn và các câu lạc bộ kỹ năng: Cần đa dạng hóa hình thức tổ chức các câu lạc bộ (như CLB Tiếng Anh, CLB Kỹ năng giao tiếp, CLB Sáng tạo trẻ...) và các cuộc thi kỹ năng định kỳ. Đặc biệt, cần chú trọng các hoạt động có tính chất “trải nghiệm thực tế” hoặc “mô phỏng nghề nghiệp” để phù hợp với tâm lý và đặc điểm của HSSV vùng cao, giúp các em vượt qua rào cản tự ti.

2.4.2. Đối với Giảng viên: Chuyển đổi vai trò từ “Người dạy” sang “Người hướng dẫn”

Giảng viên là nhân tố trực tiếp điều phối quá trình tương tác tại lớp học, do đó cần có sự thay đổi về tư duy và phương pháp tiếp cận.

Đóng vai trò là người điều phối (Facilitator): Thay vì là nguồn cung cấp kiến thức duy nhất, giảng viên cần là người khơi gợi, định hướng và

điều phối các cuộc thảo luận. Giảng viên nên thiết kế các tình huống thực tế, các bài tập tình huống (case studies) để kích thích tư duy phân biện và khả năng ứng biến của HSSV.

Tạo lập môi trường tương tác tích cực: Giảng viên cần chủ động xây dựng không gian lớp học dân chủ, nơi HSSV được khuyến khích đặt câu hỏi, bày tỏ quan điểm cá nhân và chấp nhận sự khác biệt. Việc tạo ra các nhiệm vụ yêu cầu sự phối hợp giữa các thành viên trong lớp sẽ giúp rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm một cách tự nhiên.

Làm gương về kỹ năng ứng xử và thái độ chuyên nghiệp: Giảng viên cần thể hiện sự chuẩn mực trong giao tiếp, quản lý thời gian và kiểm soát cảm xúc để trở thành hình mẫu (role model) về kỹ năng mềm cho HSSV noi theo.

2.4.3. Đối với Học sinh, sinh viên: Nâng cao tính tự chủ và tinh thần chủ động

Đây là yếu tố then chốt quyết định sự thành công của các giải pháp trên. HSSV cần chuyển đổi tư duy từ thế “thụ động tiếp nhận” sang thế “chủ động rèn luyện”.

Nâng cao ý thức tự giác và tinh thần tự học: HSSV cần xác định việc rèn luyện kỹ năng mềm là nhu cầu tự thân để phát triển sự nghiệp, thay vì chỉ là yêu cầu từ nhà trường. Việc xây dựng kế hoạch học tập cá nhân, rèn luyện kỹ năng quản lý thời gian và chủ động tìm kiếm tài liệu là bước đi đầu tiên để làm chủ kiến thức.

Tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa và rèn luyện thực tế: Thay vì thu mình trong vùng an toàn, HSSV cần dấn thân vào các hoạt động tập thể, các chương trình tình nguyện, các cuộc thi kỹ năng và đặc biệt là các kỳ thực tập tại doanh

nh nghiệp. Chính những va chạm thực tế này sẽ giúp các em kiểm chứng, điều chỉnh và hoàn thiện các kỹ năng giao tiếp, giải quyết vấn đề và khả năng thích ứng.

Xây dựng bản lĩnh và sự tự tin: HSSV cần nỗ lực vượt qua các rào cản tâm lý, rào cản ngôn ngữ hoặc hoàn cảnh kinh tế để tham gia vào cộng đồng. Việc tham gia các nhóm học tập hoặc các tổ chức đoàn thể sẽ là môi trường tốt nhất để các em rèn luyện bản lĩnh và sự tự tin trong giao tiếp xã hội.

III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã làm sáng tỏ vai trò then chốt của kỹ năng mềm như một nhân tố quyết định giúp học sinh, sinh viên (HSSV) Trường Cao đẳng Lai Châu tối ưu hóa hiệu quả học tập và rèn luyện, đồng thời tạo nền tảng vững chắc để thích ứng với thị trường lao động đầy biến động. Thông qua việc phân tích thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng, nghiên cứu không chỉ đóng góp về mặt lý luận trong việc hệ thống hóa các năng lực cần thiết cho HSSV vùng cao, mà còn mang ý nghĩa thực tiễn sâu sắc, cung cấp cơ sở khoa học cho các nhà quản lý giáo dục trong việc xây dựng chiến lược đào tạo nghề nghiệp toàn diện tại nhà trường. Mặc dù còn những hạn chế nhất định về quy mô mẫu khảo sát và phạm vi nghiên cứu, nhưng kết quả này đã đặt nền móng quan trọng cho các nghiên cứu tiếp theo. Trong tương lai, việc mở rộng phạm vi khảo sát và đi sâu vào đánh giá tác động của kỹ năng số (digital skills) đối với HSSV sẽ là hướng phát triển cần thiết nhằm hoàn thiện hơn nữa mô hình đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho tỉnh Lai Châu và khu vực.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. (2013). Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2026). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV.
- Bộ Chính trị. (2025). *Nghị quyết số 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.*
- Johnson, A., & Lee, B. (2021). The impact of soft skills on academic performance in vocational education. *Journal of Educational Research.*
- Nguyễn, V. A. (2023). Quản lý giáo dục và hiệu quả đào tạo trong môi trường cao đẳng. NXB Giáo dục.
- Smith, J. (2022). *Soft skills in the digital age: A comprehensive guide.* Academic Press.
- Trần, T. B. (2024). Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong bối cảnh mới. *Tạp chí Giáo dục nghề nghiệp.*